

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TỰ LUẬN KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Câu 1: Các nguồn lực của hoạt động kinh tế (4)

1. Nhân lực:

- Là yếu tố cơ bản và quyết định nhất hoạt động kinh tế.
- Quy mô: là lực lượng lao động của xã hội.
- Số lượng phụ thuộc vào quy mô doanh nghiệp.
- Chất lượng: sức khỏe, trình độ chuyên môn, trình độ văn hóa nói chung, thái độ và tác phong làm việc

2. Vốn

- Vốn hiện vật: toàn bộ những phương tiện vật chất (máy móc, thiết bị, nhà xưởng,...)
- Vốn tài chính: tiền và các giấy tờ có giá (cổ phiếu, trái phiếu,...)
- Vốn là kết quả hoạt động của hệ thống kinh tế, cần được sử dụng hiệu quả

3. Tài nguyên thiên nhiên

- Là những thứ có sẵn trong tự nhiên (đất đai, dầu mỏ, quặng sắt đồng, than đá,...)
- Số lượng ngày càng khan hiếm, cần được sử dụng tiết kiệm và tái tạo.

4. Kỹ thuật công nghệ:

- Là hệ thống phương pháp và cách thức sản xuất, những quy tắc về sự kết hợp các yếu tố đầu vào để chế tạo ra sản phẩm.
- Vai trò: trực tiếp quyết định cách thức tiến hành sản xuất, quyết định năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Câu 2: Quy luật khan hiếm và giới hạn khả năng sản xuất của xã hội

a. Quy luật khan hiếm nguồn lực

- Một nguồn lực khan hiếm là nguồn lực mà tại điểm giá bằng không thì lượng cầu của nó lớn hơn lượng cung của nó.
- Nội dung: các nguồn lực kinh tế không vô hạn mà luôn trong tình trạng khan hiếm tương ứng về các sản phẩm làm ra khiến cho xã hội không thể có đủ mọi sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên của XH

b. Giới hạn khả năng sản xuất của xã hội

- Là giới hạn của sự lựa chọn kinh tế theo đó, 1 nền kinh tế có thể sản xuất 1 số lượng tối đa các mặt hàng nào đó trên cơ sở nguồn lực hiện có.
- Đường GHKNSX:
 - Là tập hợp số lượng tối đa các mặt hàng mà nền kinh tế có thể sản xuất được khi sử dụng hết các nguồn lực.
 - Biểu thị mối quan hệ đánh đổi giữa các mặt hàng, sản xuất mặt hàng này nhiều lên thì phải hy sinh sản xuất mặt hàng khác.
 - Cho biết nền sx xã hội có hiệu quả
 - Có thể dịch chuyển ra phía ngoài khi các nguồn lực trong nền KT tăng lên, biểu thị sự phát triển kt.

Câu 3: Cầu, cung và cân bằng thị trường hàng hóa, dịch vụ

1. Cầu, cung

	Cầu	Cung
Khái niệm	- Cầu về 1 loại hàng hóa là số lượng hàng hóa mà người mua	- Cung về 1 loại hàng hóa là số lượng hàng hóa mà người bán

	sẵn sàng và có khả năng mua ở các mức giá khác nhau trong 1 khoảng thời gian nhất định. - Lượng cầu về 1 loại hàng hóa là số lượng hàng hóa mà người mua sẵn sàng và có khả năng mua ở 1 mức giá nhất định trong 1 khoảng thời gian nào đó.	sẵn sàng và có khả năng bán ở các mức giá khác nhau trong 1 khoảng thời gian nhất định. - Lượng cung về 1 loại hàng hóa là số lượng hàng hóa được cung cấp tại 1 mức giá nào đó trong 1 khoảng thời gian xác định.
Các công cụ biểu thị	Bảng cầu, hàm cầu, đồ thị cầu	Bảng cung, hàm cung, đồ thị cung
Luật	- Lượng cầu về 1 loại hàng hóa sẽ tăng lên khi giá của hàng hóa đó giảm đi và ngược lại: $P \downarrow (\uparrow) \rightarrow Q \uparrow (\downarrow)$ - Cơ sở: khi tồn tại quy luật khan hiếm, người mua biết tối đa hóa lợi ích của mình và hàng hóa có tính thay thế (vd: P thịt đắt $\rightarrow$ chuyển sang ăn trứng, cá, ... $\rightarrow Q$ thịt $\downarrow$)	Lượng cung của hầu hết các loại hàng hóa có xu hướng tăng khi giá của hàng hóa đó tăng và ngược lại trong 1 khoảng thời gian nhất định (cố định các nhân tố khác)
Các nhân tố ảnh hưởng (7)	1. P trượt dọc: do giá của chính bản thân hàng hóa đang xét. $P \downarrow (\uparrow) \rightarrow Q \uparrow (\downarrow) \rightarrow$ trượt dọc 2. Giá cả hàng hóa liên quan (P_y) a. <i>Hàng hóa thay thế:</i> là HH có thể sử dụng thay thế nhau trong việc thỏa mãn 1 nhu cầu nào đó của con người, quan hệ giữa giá của hàng hóa thay thế và sản lượng hàng hóa đang xét là tỉ lệ thuận. - $P_y \uparrow \rightarrow Q_y \downarrow \rightarrow Q_x \uparrow \rightarrow$ đường	1. P trượt dọc: do giá của chính bản thân hàng hóa đang xét. $P \downarrow (\uparrow) \rightarrow Q \downarrow (\uparrow) \rightarrow$ trượt dọc 2. Giá các yếu tố đầu vào (P_i) - $P_i \downarrow \rightarrow$ chi phí sx $\uparrow \rightarrow$ cung $\uparrow$ - ngược lại

cầu dịch chuyển sang phải lên trên so với đồ thị ban đầu. - ngược lại <i>b. Hàng hóa bổ sung:</i> là hh được sử dụng đồng thời với hàng hóa khác. Quan hệ giữa giá của hh bổ sung và sản lượng hh đang xét là tỉ lệ nghịch. - $P_y \uparrow \rightarrow Q_y \downarrow \rightarrow Q_x \downarrow \rightarrow$ đường cầu dịch trái xuống dưới. - ngược lại	
3. Thu nhập (I) <i>a. Hàng hóa bình thường:</i> quan hệ tỉ lệ thuận - Hàng hóa thiết yếu: tốc độ thay đổi thu nhập > thay đổi cầu - Hàng hóa xa xỉ: tốc độ thay đổi thu nhập < tốc độ thay đổi cầu <i>b. Hàng hóa thứ cấp:</i> thu nhập và cầu có quan hệ tỉ lệ nghịch	4. Công nghệ sản xuất - công nghệ sản xuất phát triển $\rightarrow$ chi phí lao động $\downarrow \rightarrow$ $sx \uparrow \rightarrow$ đường cung dịch trái. - ngược lại
4. Số lượng người mua tham gia thị trường (N) - Biểu thị số người tiêu dùng tham gia vào thị trường. - Quy mô thị trường tiêu dùng và cầu có quan hệ thuận chiều	5. Số lượng người bán tham gia thị trường - Quy mô thị trường bán và cung có quan hệ thuận chiều
5. Thị hiếu (T) - Là sở thích, ý thích của người tiêu dùng đối với 1 loại sản phẩm, dv - sở thích của người tiêu dùng và	5. Chính sách của chính phủ (thuế, trợ cấp) - Thuế tăng $\rightarrow$ sản xuất ít $\rightarrow$ đường cung dịch trái - trợ cấp tăng $\rightarrow$ sản xuất nhiều

cầu có quan hệ thuận chiều.	→ đường cung dịch phải
6. Kỳ vọng (E) - Đề cập đến sự mong đợi hay dự kiến của người tiêu dùng về sự thay đổi trong tương lai các nhân tố tác động tới cầu hiện tại. - giá kỳ vọng tăng, cầu về hàng hóa tăng → đường cầu dịch phải và ngược lại	6. Kỳ vọng (E) <i>a. Về giá của hàng hóa trong tương lai</i> - nếu giá của hh trong tương lai $\uparrow \rightarrow$ hiện tại sẽ bán ít đi $\rightarrow$ cung giảm ở cùng mức giá - ngược lại <i>b. Về giá yếu tố đầu vào trong tương lai</i> - nếu giá yếu tố đầu vào trong tương lai $\uparrow \rightarrow$ hiện tại sẽ bán nhiều lên $\rightarrow$ cung tăng ở cùng mức giá - ngược lại
7. Các nhân tố khác - Lãi suất (i): i tăng $\rightarrow$ tiền gửi tiết kiệm tăng $\rightarrow D_{hh} \downarrow$ - Tín dụng (C): nhiều hình thức tín dụng $\rightarrow D_{hh} \uparrow$	7. Các nhân tố khác - Lãi suất (i): $i \uparrow \rightarrow$ cung $\downarrow$ - Tín dụng (C): nhiều hình thức tín dụng $\rightarrow$ người sản xuất dễ vay tiền để sản xuất $\rightarrow$ cung $\uparrow$

2. Cân bằng thị trường hàng hóa, dịch vụ

- Là trạng thái trong đó giá cả và sản lượng giao dịch trên thị trường có khả năng tự ổn định, không chịu những áp lực buộc phải thay đổi
- Đặc trưng: $Q_D = Q_S = Q_{CB}$
 $P_D = P_S = P_{CB}$

Câu 4: Sự tác động của chính phủ vào hệ thống thị trường

Mục đích: Ổn định giá cả thị trường

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Bảo vệ quyền lợi người sx

Các hình thức: giá cố định, giá trần và giá sàn

- **Giá cố định**

- Do nhà nước quy định, cố định trong từng thời kì. Ví dụ giá trong cơ chế kinh tế hàng hóa tập trung
- Vì giá cố định trong khi giá cân bằng thay đổi nên:
 - $P_{CD} > P_{CB}$ thì dư thừa
 - $P_{CD} < P_{CB}$ thì thiếu hụt

- **Giá trần**

- Là giá bảo vệ quyền lợi người mua $P_c < P_{CB}$ thì $P \downarrow \rightarrow$ thiếu hụt
- Là giá quy định cao nhất trao đổi trên thị trường, k đc phép cao hơn
- Làm cho lợi ích xã hội giảm xuống
- Ví dụ mức giá thuê nhà tối đa ở nhiều nước

- **Giá sàn**

- Là giá bảo vệ quyền lợi người sx, bán hàng $P_f > P_{CB}$ thì $P \uparrow \rightarrow$ dư thừa
- Là giá quy định thấp nhất trao đổi trên thị trường, k đc phép thấp hơn
- Làm cho ích lợi xã hội giảm xuống bằng DWL

- Ví dụ mức tiền trả cho người lao động tối thiểu ở nhiều nước

- **Chính sách của chính phủ**

- Thuế đánh vào từng đơn vị sản phẩm
- Trợ cấp trên một đơn vị sản phẩm

Câu 5: Mô hình tổng quát về sự lựa chọn sản lượng tối ưu của doanh nghiệp

- **Điều kiện cần**

- Khi doanh thu biên (MR) lớn hơn chi phí biên (MC) thì DN mở rộng sản xuất, tăng sản lượng
- Khi MR nhỏ hơn MC thì DN thu hẹp sản xuất, giảm sản lượng
- Khi MR bằng MC, DN có mức sản lượng tối ưu. Tại mức sản lượng $MR=MC$ doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận (đồ thị)

- **Điều kiện đủ:** DN phải so sánh giá bán với chi phí sản xuất để xem có nên sản xuất hay không

- Trong ngắn hạn: $P \geq SAVC \rightarrow$ DN nên sản xuất

$$P < SAVC \rightarrow \text{DN không nên sản xuất}$$

Điểm tại đó: $P = SAVC$ là điểm đóng cửa

- Trong dài hạn; $P \geq LAVC \rightarrow$ DN nên sản xuất

$$P < LAVC \rightarrow \text{DN không nên sản xuất}$$

Điểm tại đó $P = LAVC$ là điểm đóng cửa

Câu 6: Tổng cầu và các nhân tố ảnh hưởng.

a) *Tổng cầu (AD)* là toàn bộ khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà một nền kinh tế muốn mua ở mỗi một mặt hàng bằng giá nhất định.

Các thành phần của tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn: $AD = C + I$

Trong đó: C là hàm số tiêu dùng $C = C_o + C_m.Y$

(C_o là tiêu dùng bắt buộc; C_m là tiêu dùng biên)

I là hàm số đầu tư $I = I_o + I_m.Y$

(I_o là đầu tư tự định; I_m là đầu tư biên)

b) Các nhân tố ảnh hưởng:

- Thu nhập của nền kinh tế
- Giá cả hàng hóa
- Sức mua của thị trường
- Năng lực và kỳ vọng của nhà sản xuất
- Các lực lượng bên ngoài
- Chi tiêu công

Câu 7: Tổng cung và các nhân tố ảnh hưởng.

a) *Tổng cung (AS)* là toàn bộ khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà một nền kinh tế sẵn sàng cung ứng tại mỗi mặt bằng giá nhất định.

b) Các nhân tố ảnh hưởng

- Tăng trưởng nội tại của doanh nghiệp
- Kỳ vọng lợi nhuận
- Môi trường kinh doanh
 - Sự thích ứng về công nghệ
 - Được bảo vệ bằng pháp luật
 - Môi trường văn hóa xã hội
- Chi phí sản xuất

- CPSX giảm khi doanh nghiệp mở rộng sx, Y tăng, AS tăng
- CPSX tăng khi DN thu hẹp sx, Y giảm, AS giảm

Câu 8: Các thước đo sản lượng quốc gia.

- Tổng sản phẩm quốc nội – GDP (Gross Domestic Products): phản ánh giá trị bằng tiền của toàn bộ sản phẩm cuối cùng được sản xuất ra trên **lãnh thổ một nước** trong một khoảng thời gian nhất định.
- Tổng sản phẩm quốc dân – GNP (Gross Domestic Products): phản ánh giá trị bằng tiền của toàn bộ sản phẩm cuối cùng được sản xuất ra bởi **công dân một nước** trong một khoảng thời gian nhất định.
- $GNP = GDP + NIA$
(NIA = thu nhập từ các yếu tố xuất khẩu - thu nhập từ các yếu tố nhập khẩu)

Câu 9: Mô hình tổng cầu

a. Tổng cầu

Khái niệm; tổng cầu là mức sản lượng của tất cả các hàng hóa và dịch vụ mà các tác nhân trong nền kinh tế sẽ sử dụng tương ứng với mức giá cả và thu nhập nhất định. Kí hiệu tổng cầu; AD

$$AD = C + I + G + (EX - IM)$$

Trong đó;

C; chi tiêu của hộ gia đình.

G; chi tiêu của chính phủ.

$NX = Ex - Im$ là xuất khẩu ròng.

I ; đầu tư tư nhân

Tổng cầu trong mô hình kinh tế đơn giản

Hàm tổng cầu đơn giản $AD = C + I$ hay $AD = C_0 + MPC.Y + I$

Sản lượng cần xác định (Y) là mức sản lượng cân bằng, sản lượng sản xuất ra đúng bằng sản lượng mà các hộ gia đình cần để tiêu dùng, và các hãng cần để đầu tư, nên $Y = AD$;

$$Y = C_0 + MPC.Y + I$$

$Y = 1/(1-MPC) * (C_0 + I)$ trong đó ; $1/(1-MPC) = 1/MPS = m$ được gọi là số nhân chi tiêu

Sản lượng cân bằng của nền kinh tế là ; $AD = AS = Y$ (Tổng cầu = tổng cung = sản lượng)

Câu 10. Thất nghiệp:

- Khái niệm: Thất nghiệp là khái niệm dùng để chỉ những người trong độ tuổi lao động, có khả năng và có nhu cầu làm việc nhưng không có việc làm.

- Nguyên nhân:

- Theo trường phái cổ điển: Trong nền kinh tế giá cả và tiền công là hết sức linh hoạt Thị trường lao động luôn ở thế cân bằng và chỉ có thất nghiệp tự nguyện

Lương cao hơn mức lương cân bằng:

- Luật tiền lương tối thiểu
 - Công đoàn
 - Lý thuyết tiền lương hiệu quả
- Lý thuyết tiền công cứng nhắc- quan điểm của Keynes
 - Thất nghiệp do sụt giảm tổng cầu
 - Thị trường có hai loại là thất nghiệp tự nguyện và không tự nguyện. Trong đó thất nghiệp không tự nguyện là thất nghiệp do suy giảm tổng cầu, với mức tiền lương cứng nhắc không được điều chỉnh sẽ làm cho bộ phận người lao động bị thất nghiệp
- Nguyên nhân tiền:
 - Luật tiền lương tối thiểu
 - Công đoàn
- Tác động của thất nghiệp:
 - a) Tác động tiêu cực
 - + Đối với nền kinh tế: Làm cho nền kinh tế kém hiệu quả. Theo quy luật OKUN: 1% thất nghiệp sẽ giảm 2.5% sản lượng
 - + Đối với cá nhân người lao động: giảm thu nhập, tâm lý
 - + Đối với xã hội: Tệ nạn xã hội
 - b) Tác động tích cực
 - + Tạo đội quân dự trữ
 - + Tỷ lệ thất nghiệp tự nguyện phản ánh mức sống của người dân cao hơn
 - + Trong từng giai đoạn sự thất nghiệp của người lao động giúp nhà sản xuất hoạt động hiệu quả hơn.
 - + Thất nghiệp cơ cấu hoặc thất nghiệp tạm thời giúp người lao động có cơ hội tìm được một

công việc phù hợp hơn với chuyên môn và khả năng, giúp người lao động có cơ hội nâng cao khả năng của mình.

Câu 11: Lạm phát: Là sự tăng liên tục của mức giá trung bình theo thời gian

- Nguyên nhân:
 - Nguyên nhân lạm phát của phái “trọng tiền”
 - Lạm phát do cầu kéo
 - Lạm phát chi phí đẩy
- Tác động của lạm phát:
 - a. Tác động đối với sản lượng
 - Khi giá cả tăng sản lượng quốc dân cũng thay đổi theo. Nó có thể tăng, giảm hoặc có khi không thay đổi
 - Nếu lạm phát do cầu: sản lượng có thể tăng, lượng tăng tùy thuộc vào độ dốc của đường tổng cung
 - Nếu lạm phát do cung: sản lượng giảm giá cả tăng cao nền kinh tế rơi vào thời kỳ đình trệ lạm phát. Sự sụt giảm sản lượng như thế nào còn phụ thuộc vào độ dốc của đường tổng cầu.
 - Nếu do cả cung và cầu thì tùy theo mức độ dịch chuyển của cả hai đường tổng cầu và tổng cung thì sản lượng có thể tăng, giảm hoặc không đổi.
 - b. Tác động đối với phân phối lại thu nhập và của cải
 - c. Tác động tới cơ cấu kinh tế
 - d. Tác động đến tính hiệu quả kinh tế